

Số: 578 /KH-TTYT

Giang Thành, ngày 02 tháng 4 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành về việc triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 huyện Giang Thành;

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-CCDS ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Chi Cục Dân số tỉnh Kiên Giang về việc Triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hoá gia đình năm 2025.

Trung tâm Y tế xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình năm 2025 với những nội dung như sau:

#### I. MỤC TIÊU

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến năm 2030.

#### II. NỘI DUNG

- Tiếp tục triển khai các loại hình cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD; Tổ chức Chiến dịch và truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và sinh sản và KHHGD, nâng cao chất lượng dân số tại vùng mức sinh thấp và mức sinh thay thế đến năm 2025. Chiến dịch cung cấp 4 gói dịch vụ gồm: gói KHHG, gói khám phụ khoa, gói làm mẹ an toàn, gói tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hoá gia đình: Tăng cường nâng cao năng lực mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật, tiếp tục đào tạo cán bộ cung cấp dịch vụ, nhất là tuyến cơ sở; đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ kế hoạch hoá gia đình thuận tiện, an toàn, chất lượng; Lồng ghép các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân và các hoạt động cung cấp thông tin, dịch vụ cho vị thành niên, thanh niên; mang thai ngoài ý muốn tuổi vị thành niên, thanh niên, tránh phá thai không an toàn.

- Tăng cường, đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD phương tiện tránh thai (PTTT), phát triển hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT theo hướng bao quát các nguồn PTTT (miễn phí, TTXH, XHH), củng cố kho hậu cần PTTT đảm bảo bảo quản, vận chuyển cung ứng PTTT đúng theo quy định.

### III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí hoạt động công tác Dân số-Phát triển của địa phương và Chi cục Dân số tỉnh.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Phòng Dân số-TT.GDSK

- Phối hợp với Trạm Y tế các xã tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch có liên quan đến công tác Dân số- Phát triển của năm 2025.

- Phối hợp các cấp, các ngành truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi của người dân về quyền, nghĩa vụ, lợi ích của nâng cao chất lượng dân số và thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo hàng năm.

- Rà soát, kiểm tra, giám sát theo Quyết định 134/QĐ-BYT và Quyết định 160/QĐ-CDS về tình hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ tuyến xã, phiếu giám sát cộng tác viên về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai, đề xuất tham mưu cấp có thẩm quyền để củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng kế hoạch hoá gia đình.

#### 2. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản

Hỗ trợ, chỉ đạo về chuyên môn, kỹ thuật cho 5 trạm Y tế cơ sở trong lĩnh vực Sản khoa, nhằm nâng cao chất lượng dân số - KHHGĐ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

#### 3. Trạm Y tế xã

- Xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với địa phương.

- Phối hợp ban ngành, đoàn thể xã, áp tăng cường truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi của người dân về quyền, nghĩa vụ, lợi ích của nâng cao chất lượng dân số và thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.

- Thực hiện theo Quyết định 134/QĐ-BYT và Quyết định 160/QĐ-CDS về tình hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ tuyến xã, phiếu giám sát cộng tác viên về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai (có đề cương kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành. *H*

#### Nơi nhận:

- Chi cục Dân số Kiên Giang;
- Ban giám đốc TTYT;
- Khoa CSSKSS;
- Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT, phòng DS-TTGDSK.

**GIÁM ĐỐC**



**Hồ Hữu Phước**

Số /BC-TTYT

....., ngày tháng năm 2025

**BẢNG TỔNG HỢP  
PHIẾU GIÁM SÁT TÌNH HÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ KHHGD  
CỦA TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ**

Huyện/ thành phố: Giang Thành, Thuộc khu vực:

Tỉnh/Tp: Kiên Giang

Số xã: 01; Dân số: ; Khoảng cách đi từ TYT đến TTYT: 0 km;

**I. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Đánh dấu 'X' vào cột "Có" nếu có và giải thích thêm vào cột "Ghi chú" nếu tình trạng đã quá xuống cấp không thể cung cấp được các dịch vụ KHHGD theo chất lượng quy định của Bộ Y tế

| <b>1 Cơ sở vật chất chung của TYT</b>  | <b>Có</b> | <b>Không</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--|-----------|--------------|----------------|
| - Tổng số phòng của TYT/ huyện (số lượng)  |           |              |                |
| - Có nguồn điện lưới.  |           |              |                |
| - Có nguồn cấp nước sạch (nước máy, nước giếng, nước nguồn).   |           |              |                |
| - Nhà vệ sinh (ghi rõ cột ghi chú loại nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại/dội nước/2 ngăn/hố xí thùng...) |           |              |                |
| - Có nơi xử lý chất thải y tế (chôn, đốt, không có nơi xử lý riêng).                                   |           |              |                |
| - Có điện thoại cố định  |           |              |                |
| - Có máy vi tính   |           |              |                |
| + Máy tính có kết nối internet   |           |              |                |
| + Máy tính có phần mềm báo cáo thống kê chuyên ngành DS/KHHGD  |           |              |                |
| <b>2. Khu vực ngồi chờ</b>   |           |              |                |
| - Có khu vực ngồi chờ của khách hàng   |           |              |                |
| - Khu vực ngồi chờ có mái che, có đủ ghế ngồi  |           |              |                |
| - Có quạt điện   |           |              |                |
| - Nước uống phục vụ khách hàng   |           |              |                |
| - Có dung dịch sát khuẩn tay nhanh   |           |              |                |
| - Có TV và các sản phẩm truyền thông trình chiếu   |           |              |                |
| - Có các tài liệu truyền thông để cho khách hàng xem (ghi rõ chủng loại vào mục ghi chú)               |           |              |                |
| <b>3. Phòng thủ thuật KHHGD</b>  |           |              |                |
| - Có phòng thủ thuật riêng (Nếu không có phòng riêng, ghi rõ dùng chung với phòng nào vào cột          |           |              |                |

|  |           |              |                |
|--|-----------|--------------|----------------|
| <i>ghi chú</i> )   |           |              |                |
| - Đảm bảo tính riêng tư, kín đáo   |           |              |                |
| - Diện tích (m <sup>2</sup> )  |           |              |                |
| <b>1 Cơ sở vật chất chung của</b>  | <b>Có</b> | <b>Không</b> | <b>Ghi chú</b> |
| - Trần sạch, quét vôi hoặc sơn trắng, tường ốp gạch men cao $\geq 1,6m$ , nền lát gạch men không thấm, thoát nước ( <i>Đạt tất cả tiêu chuẩn trên thì đánh vào cột Có</i> ). |           |              |                |
| - Nơi rửa tay có vòi nước tự chảy và xà phòng/nước rửa tay   |           |              |                |
| - Tủ để thuốc và dụng cụ   |           |              |                |
| <b>4. Phòng hoặc góc truyền thông - tư vấn</b>   |           |              |                |
| - Phòng tư vấn đảm bảo tính riêng tư, kín đáo  |           |              |                |
| - Ti vi và các sản phẩm truyền thông trình chiếu   |           |              |                |
| - Tài liệu truyền thông về KHHGD để khách hàng xem ( <i>Ghi rõ chủng loại vào mục ghi chú - nếu có</i> )   |           |              |                |
| - Giá kệ để sản phẩm truyền thông  |           |              |                |
| - Tài liệu truyền thông về KHHGD để khách hàng mang về ( <i>ghi rõ chủng loại vào mục ghi chú - nếu có</i> )   |           |              |                |
| - Mô hình trực quan bộ phận sinh dục nam   |           |              |                |
| - Mô hình trực quan bộ phận sinh dục nữ  |           |              |                |
| - Dụng cụ, tài liệu khác ( <i>ghi rõ</i> )   |           |              |                |

## II. NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

1. Số nhân lực hiện có thể cung cấp dịch vụ KHHGD tại TYT (trong đó): (*ghi số lượng vào ô tương ứng*)

| TT |   | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Sau đại học |
|----|---|-----------|----------|---------|-------------|
| 1. | Bác sĩ                                  |           |          |         |             |
| 2. | Y sỹ sản nhi                            |           |          |         |             |
| 3. | Y sỹ đa khoa                            |           |          |         |             |
| 4. | Hộ sinh                                 |           |          |         |             |
| 5. | Điều dưỡng                              |           |          |         |             |
| 6. | Dược sỹ                                 |           |          |         |             |
| 7. | Viên chức dân số xã                     |           |          |         |             |
| 8. | Cán bộ khác ( <i>ghi cụ thể</i> ):..... |           |          |         |             |

2. Công tác tập huấn/bồi dưỡng/đào tạo liên tục nâng cao năng lực chuyên môn về KHHGD (trong thời gian 05 năm gần nhất):

| TT | Nội dung tập huấn  | Số người được tập huấn | Ghi chú |
|----|--|------------------------|---------|
| 1  | Kỹ năng truyền thông, tư vấn về KHHGD  |                        |         |
| 2  | Đặt dụng cụ tử cung (Chỉ tính các trường hợp được cấp chứng chỉ đào tạo liên tục)  |                        |         |
| 3  | Tiêm thuốc tránh thai  |                        |         |
| 4  | Cấy thuốc tránh thai (Chỉ tính các trường hợp được cấp chứng chỉ đào tạo liên tục) |                        |         |
| 5  | Quy trình vô khuẩn dụng cụ   |                        |         |
| 6  | Lập kế hoạch,  |                        |         |
| 7  | Giám sát, hỗ trợ quản lý chất lượng dịch vụ  |                        |         |
| 8  | Thống kê, báo cáo  |                        |         |
| 9  | Quản lý hậu cần  |                        |         |
| 10 | Đào tạo/tập huấn khác về KHHGD (ghi rõ:)   |                        |         |
| a  | .....<br>.....   |                        |         |

**III. TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ KHHGD** (Chỉ thống kê số lượng trang thiết bị hiện có và còn sử dụng được)

| Danh mục trang thiết bị   | Số lượng hiện có | Ghi chú |
|---|------------------|---------|
| <b>1. Bộ đặt và tháo dụng cụ tử cung</b><br>Ghi rõ số bộ đủ chi tiết vào cột số lượng, mỗi bộ gồm: Kẹp dài sát khuẩn 2 cái; Van âm đạo (mỏ vịt) 1 cái; Kẹp cổ tử cung 1 cái; Kẹp thẳng 1 cái; Thước đo buồng tử cung 1 cái; Kéo 1 cái; Hộp đựng kim loại có nắp kín 1 cái |                  |         |
| <b>2. Bộ khám phụ khoa</b><br>Ghi rõ số bộ đủ chi tiết vào cột số lượng, mỗi bộ gồm: Mỏ vịt 3 cái (to, vừa, nhỏ); Kẹp sát khuẩn 3 cái; Hộp đựng có nắp đậy kín 1 cái)   |                  |         |
| <b>3. Các dụng cụ khác</b>  |                  |         |
| - Tủ thuốc  |                  |         |
| - Mặt nạ, bóng bóp cho người lớn  |                  |         |
| - Giường khám bệnh có cọc truyền  |                  |         |
| - Bàn thủ thuật   |                  |         |
| - Bàn khám phụ khoa   |                  |         |
| - Bàn để dụng cụ có bánh xe hoặc xe đẩy dụng cụ   |                  |         |
| - Giường nằm  |                  |         |
| - Nồi luộc dụng cụ điện   |                  |         |
| - Tủ sấy khô  |                  |         |
| - Nồi hấp ướt   |                  |         |
| - Hộp nhựa có nắp (để khử khuẩn bằng hóa chất)  |                  |         |
| - Bơm tiêm nhựa 1 ml, 5 ml, 10 ml   |                  |         |

|  |  |  |
|--|--|--|
| - Đèn khám phụ khoa                    |  |  |
| - Xô nhựa, giỏ nhựa dùng để khử khuẩn  |  |  |
| - Hộp cứng đựng dụng cụ sắc nhọn       |  |  |
| - Kính bảo hộ                          |  |  |
| - Găng, ủng                            |  |  |
| - Chậu rửa dụng cụ có vòi nước tự chảy |  |  |

### III. THUỐC THIẾT YẾU VÀ PHƯƠNG TIỆN TRÁNH THAI

| TT    | NỘI DUNG   | Có  | Không có | Ghi chú  |
|-------|--|---|----------|--|
| 1     | <b>Thuốc, phương tiện tránh thai:</b>                                      | <i>Nếu có, ghi rõ nguồn cấp miễn phí (MP), tiếp thị xã hội (TTXH) hay xã hội hóa (XHH) vào cột Có</i> |          | <i>Ghi rõ loại nào đã hết trong thời gian 6 tháng gần nhất, lý do hết?</i> |
| 1.1   | Viên thuốc tránh thai kết hợp, VD: Ideal                                   |   |          |  |
| 1.2   | Viên thuốc tránh thai đơn thuần (chỉ có progestin), VD: Naphanevo, Exluton |   |          |  |
| 1.3   | Thuốc tiêm tránh thai  |   |          |  |
| 1.4   | Viên tránh thai khẩn cấp   |   |          |  |
| 1.5   | Que cấy tránh thai   |   |          |  |
| 1.6   | Dụng cụ tử cung  |   |          |  |
| 1.7   | Bao cao su   |   |          |  |
| 1.8   | Thuốc kháng sinh (cấp sau đặt DCTC)  |   |          |  |
| 1.9   | Thuốc giảm co tử cung (cấp sau đặt DCTC)                                   |   |          |  |
| 1.10  | Có hộp thuốc chống sốc theo quy định                                       |   |          |  |
| 1.11  | Dung dịch lugol/hoặc acid acetic 3%  |   |          |  |
| 1.12  | Khác ( <i>ghi rõ</i> ) _____   |   |          |  |
| 2     | <b>Thuốc/hóa chất sát khuẩn và khử khuẩn</b>                               |   |          |  |
| 2.1   | Cồn 70 độ  |   |          |  |
| 1 2.2 | Povidol iod 10%  |   |          |  |

#### 4. Các nội dung khác

.....

.....

.....

.....

**IX. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA TRẠM Y TẾ XÃ**

1. Đối với TTYT huyện

.....  
.....  
.....

2. Đối với UBND xã

.....  
.....  
.....

3. Đối với ngành y tế

.....  
.....  
.....

4. Đối với chính quyền các cấp

.....  
.....  
.....

*Giang Thành, ngày tháng năm 2025*  
**Thủ trưởng đơn vị**

**PHIẾU GIÁM SÁT CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ VỀ TUYÊN TRUYỀN,  
TƯ VẤN VÀ CUNG CẤP BIỆN PHÁP TRÁNH THAI TẠI CỘNG ĐỒNG**  
(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-CDS, ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Cục trưởng Cục Dân số)

**I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC GIÁM SÁT**

1. Họ và tên: ..... Nam:  Nữ: ; Tuổi: .....
2. Trình độ học vấn: Tiểu học ; THCS ; THPT: ; Trung cấp: ; Cao đẳng: ;  
ĐH trở lên:
3. Địa chỉ nơi ở: Thôn ..... Xã: .....  
Huyện: Giang Thành, tỉnh: Kiên Giang.
4. Thuộc vùng: Đô thị ; Đ. đồng bằng, trung du ; Vùng khó khăn, núi, biển, xa ;
5. Tổng số hộ được phân công quản lý:..... hộ
6. Hiện đang sinh sống tại địa bàn phụ trách: Có  Không
7. Thời gian tham gia làm Cộng tác viên dân số tính đến thời điểm hiện tại: ..... năm
8. Nếu là Cộng tác viên kiêm nhiệm thì đang làm công tác?  
Y tế thôn ; Cô đỡ thôn bản ; Phụ nữ ; Thanh niên  ;  
Mặt trận ; Trường thôn ; Khác (ghi rõ) .....

**II. TUYÊN TRUYỀN VỀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH VÀ BIỆN PHÁP TRÁNH THAI**

Đánh dấu "x" vào cột có/không các nội dung sau. cần giải thích, làm rõ ghi vào cột "Ghi chú"

| TT | Nội dung  | Có | Không | Ghi chú |
|----|---|----|-------|---------|
| 1  | Đến thăm hộ gia đình để tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) và các biện pháp tránh thai (BPTT) trong tháng qua (nếu có ghi số lần vào cột Ghi chú). |    |       |         |
| 2  | Tham gia tổ chức, thực hiện buổi tuyên truyền nhóm/cộng đồng/lồng ghép về KHHGD và BPTT trong tháng qua (nếu có ghi số buổi vào cột Ghi chú).                 |    |       |         |
| 3  | Những nội dung tuyên truyền đã thực hiện:   |    |       |         |
|    | - Lợi ích của việc thực hiện KHHGD, chủ động quyết định số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng dân số.               |    |       |         |
|    | - Bình đẳng về quyền và trách nhiệm của mỗi cặp vợ chồng trong việc áp dụng BPTT, sinh con và nuôi dạy con tốt.   |    |       |         |
|    | - Lợi ích khi sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (phòng tránh có thai ngoài ý muốn; phòng tránh vô sinh, hỗ trợ sinh sản;...).                         |    |       |         |



| TT | Nội dung   | Có | Không | Ghi chú |
|----|--|----|-------|---------|
|    | - Lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp.               |    |       |         |
|    | - Giới thiệu địa chỉ cung cấp các biện pháp tránh thai |    |       |         |
|    | - Nội dung/chủ đề khác (ghi rõ).....<br>.....          |    |       |         |

**III. TƯ VẤN, CUNG CẤP BAO CAO SU VÀ VIÊN THUỐC TRÁNH THAI** (Đánh dấu “x” vào cột có/không các nội dung sau. Cần giải thích, làm rõ ghi vào cột “Ghi chú”)

**1. Tư vấn & cung cấp bao cao su nam**

| TT | Nội dung  | Có | Không | Ghi chú |
|----|---|----|-------|---------|
| 1  | Nói rõ những ưu điểm của bao cao su. Nhấn mạnh về bảo vệ kép - tránh thai và phòng tránh nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (NKLTQĐTD).                                    |    |       |         |
| 2  | Nói rõ những điểm không thuận lợi có thể gặp phải khi sử dụng bao cao su.   |    |       |         |
| 3  | Hướng dẫn cách sử dụng bao cao su.  |    |       |         |
| 4  | Phát tờ rơi hướng dẫn sử dụng bao cao su (có hình ảnh minh họa).  |    |       |         |
| 5  | Hướng dẫn việc cần làm nếu bao cao su không may bị rách, thủng, tuột khi đang dùng.   |    |       |         |
| 6  | Sở theo dõi số cặp vợ chồng sử dụng bao cao su và số lượng được cấp và mua từ nguồn khác.   |    |       |         |
| 7  | Cấp (miễn phí) bao cao su đủ số lượng, kịp thời gian cho các cặp vợ chồng trong địa bàn trong tháng qua (nếu không cấp đủ số lượng hoặc kịp thời gian ghi lý do vào cột ghi chú). |    |       |         |
| 8  | Cung cấp (bán) bao cao su từ nguồn xã hội hóa, tiếp thị xã hội.   |    |       |         |
| 9  | Nhận được thông tin phản hồi về bao cao su của người sử dụng (ví dụ: kích cỡ, độ dày, mỏng, chất bôi trơn, mùi...).   |    |       |         |
| 10 | Đưa ra giải pháp giải quyết về những thông tin phản hồi của khách hàng.   |    |       |         |

**2. Tư vấn và cung cấp viên thuốc tránh thai** (Đánh dấu “x” vào cột có/không các nội dung sau. Cần giải thích, làm rõ ghi vào cột “Ghi chú”)

| TT | Nội dung   | Có | Không | Ghi chú |
|----|--|----|-------|---------|
| 1  | Sử dụng bảng kiểm viên thuốc tránh thai kết hợp và viên thuốc tránh thai chỉ có progestin (Phụ lục 4, Phụ lục 5 trong Mục VIII. Phụ lục) để đánh giá khách hàng sử dụng hoặc không sử dụng được viên thuốc tránh thai trước khi cấp/bán. |    |       |         |

| TT   | Nội dung   | Có | Không | Ghi chú |
|--|--|----|-------|---------|
| 2  | Tư vấn cho khách hàng mới sử dụng viên thuốc tránh thai các nội dung cụ thể sau:   |    |       |         |
|  | - Nói rõ ưu điểm của viên thuốc tránh thai.  |    |       |         |
|  | - Nói rõ dấu hiệu của tác dụng phụ có thể gặp phải khi sử dụng viên thuốc tránh thai, cụ thể:  |    |       |         |
|  | + Buồn nôn (hay gặp trong 3 tháng đầu).  |    |       |         |
|  | + Rong kinh, chu kỳ kinh không đều, đặc biệt nếu quên uống thuốc hoặc uống thuốc muộn (hay gặp trong 3 tháng đầu).   |    |       |         |
|  | + Mất kinh.  |    |       |         |
|  | + Đau đầu nhẹ.   |    |       |         |
|  | + Căng ngực.   |    |       |         |
|  | + Tăng cân nhẹ.  |    |       |         |
|  | + Mụn trứng cá.  |    |       |         |
|  | + Có thể gây ra tình trạng trầm cảm, giảm ham muốn tình dục.   |    |       |         |
|  | + Hiếm gặp, có thể đột quy, tắc tĩnh mạch chi dưới.  |    |       |         |
|  | - Tư vấn và hướng dẫn xử trí tại nhà khi có tác dụng phụ.  |    |       |         |
|  | - Nói rõ các dấu hiệu cần đến cơ sở y tế như ra máu quá nhiều (gấp đôi bình thường hoặc kéo dài trên 8 ngày); bắt đầu bị đau nửa đầu hoặc tình trạng nhức nửa đầu trở nên nặng hơn, v.v... |    |       |         |
|  | - Giải thích những nguyên nhân có thể thất bại khi uống viên thuốc tránh thai.   |    |       |         |
| - Nói rõ tại sao phải khám kiểm tra định kỳ và khuyên khách hàng thực hiện sau này.                            |  |    |       |         |
| - Hướng dẫn cụ thể cho khách hàng cách uống thuốc.   |  |    |       |         |
| - Nói với khách hàng về những việc cần làm trong trường hợp họ quên uống 1 viên, 2 viên, 3 viên thuốc trở lên. |  |    |       |         |
| 3  | Có sổ theo dõi số cặp vợ chồng sử dụng viên thuốc tránh thai (số lượng được cấp và mua từ nguồn khác).   |    |       |         |
| 4  | Cấp (miễn phí) viên thuốc tránh thai đủ số lượng, kịp thời gian (trước ít nhất 7 ngày của vỉ thuốc cuối cùng) cho các cặp vợ chồng trong địa bàn trong tháng qua.                          |    |       |         |
| 5  | Cung cấp (bán) viên thuốc tránh thai từ nguồn xã hội hóa, tiếp thị xã hội.   |    |       |         |
| 6  | Có khách hàng hỏi về BPTT thay thế vì có tác dụng phụ khi uống viên thuốc tránh thai.  |    |       |         |
| 7  | Tư vấn cho khách hàng lựa chọn BPTT khác do có tác dụng phụ khi uống viên thuốc tránh thai.  |    |       |         |

| TT | Nội dung  | Có | Không | Ghi chú |
|----|---|----|-------|---------|
| 8  | Hỏi lại tình trạng sức khỏe hiện tại của khách hàng đang dùng thuốc trước khi cấp tiếp vỉ khác. |    |       |         |

#### IV. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA CỘNG TÁC VIÊN

(Đánh dấu "x" vào cột có/không các nội dung sau, cần giải thích, làm rõ ghi vào cột "Ghi chú")

| TT | Nội dung  | Có | Không | Ghi chú |
|----|---|----|-------|---------|
| 1  | Phụ cấp/thù lao hàng tháng.   |    |       |         |
| 2  | - Trang bị cá nhân (túi truyền thông, đèn pin, áo mưa...).                          |    |       |         |
| 3  | - Tập huấn/bồi dưỡng trong 2 năm gần nhất.  |    |       |         |
|    | - Kiến thức về kế hoạch hóa gia đình.   |    |       |         |
|    | - Các biện pháp tránh thai.   |    |       |         |
|    | - Sử dụng bảng kiểm viên thuốc tránh thai.  |    |       |         |
|    | - Kỹ năng tuyên truyền, tư vấn về KHHGD và BPTT.                                    |    |       |         |
|    | - Kỹ năng tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai.                               |    |       |         |
|    | - Nội dung khác (ghi rõ).   |    |       |         |
| 4  | Khen thưởng trong năm gần nhất.   |    |       |         |
| 5  | Được giám sát hỗ trợ trong năm gần nhất (ghi số lần được giám sát vào cột ghi chú). |    |       |         |
| 6  | Điều kiện khác...   |    |       |         |

**V. ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH HÀNG** (hỏi khách hàng tại thời điểm giám sát) (Đánh dấu "x" vào cột Rất hài lòng/Hài lòng/Chưa hài lòng các nội dung sau. Ghi nhận xét cụ thể)

| TT | Nội dung/nhiệm vụ                      | Rất hài lòng | Hài lòng | Chưa hài lòng | Nhận xét cụ thể |
|----|--|--------------|----------|---------------|-----------------|
| 1  | Tuyên truyền về KHHGD và BPTT.         |              |          |               |                 |
| 2  | Tư vấn, cấp/bán bao cao su.            |              |          |               |                 |
| 3  | Tư vấn, cấp/bán viên thuốc tránh thai. |              |          |               |                 |
| 4  | Sự thân thiện, nhiệt tình.             |              |          |               |                 |
| 5  | Kiến thức và kỹ năng.                  |              |          |               |                 |

**VI. NHẬN XÉT, KHUYẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT/GIÁM SÁT VIÊN**

*(Nêu cụ thể những việc làm được, làm tốt, những điểm cần cải thiện và những khuyến nghị cụ thể về các nội dung sau)*

**1. Về tuyên truyền vận động và tư vấn (nội dung/chủ đề, kỹ năng...)**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Về cấp/bán bao cao su, viên thuốc tránh thai (số lượng, thời gian)**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC GIÁM SÁT**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người được giám sát**  
*(ký, ghi rõ họ, tên)*

**Giám sát viên**  
*(ký, ghi rõ họ, tên)*